

THUYẾT ĐA TRÍ NĂNG VÀ CÁC NGẪM ĐỊNH CHO GIÁO DỤC

LÊ THỊ TUYẾT HẠNH

Trường Đại học Vinh
Email: hanhdhv81@gmail.com

Tóm tắt: *Thuyết Đa trí năng của Howard Gardner đã và đang dành được nhiều sự quan tâm của các nền giáo dục trên toàn thế giới, là một trong những giải pháp đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận của Thuyết Đa trí năng và những thành công trong việc áp dụng nó trên thế giới, bài viết phân tích những yếu tố tiềm năng mà giáo dục Việt Nam có thể áp dụng thành công lý thuyết này.*

Từ khóa: *Thuyết Đa trí năng; ngấm định giáo dục; giáo dục.*

(Nhận bài ngày 09/01/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 15/02/2017; Duyệt đăng ngày 25/02/2017).

1. Đặt vấn đề

Trong nhu cầu cấp thiết của đổi mới giáo dục một cách căn bản, toàn diện, Thuyết Đa trí năng nổi lên như một giải pháp để có thể đáp ứng nhu cầu này. Với cách nhìn toàn diện từ những trí năng của con người, Thuyết Đa trí năng của giáo sư Howard Gardner đã và đang dành được nhiều sự quan tâm của các nền giáo dục trên toàn thế giới. Tuy đã ra đời hơn 30 năm và đã được áp dụng rộng rãi trong các hệ thống giáo dục tiên tiến, Thuyết Đa trí năng vẫn còn mang vẻ hoang sơ trong nền giáo dục Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi tổng hợp và phân tích những ngấm định giáo dục cũng như những nét văn hóa trong Thuyết Đa trí năng, từ đó đưa ra những nhận định về viễn cảnh của việc áp dụng Thuyết Đa trí năng vào mục tiêu đào tạo con người ở Việt Nam.

2. Thuyết Đa trí năng

2.1. Thuật ngữ

"*The Theory of Multiple Intelligences*" được dịch theo nhiều thuật ngữ khác nhau trong tiếng Việt. Lê Quang Long (2009) gọi Thuyết này là *Thuyết Đa trí tuệ*, một số tác giả khác dịch là *Thuyết Đa thông minh* (Võ Thanh Hà, 2013; Lê Phạm Hoài Hương và Lê Thị Tuyết Hạnh, (2014). Ngoài ra, trên công cụ tìm kiếm Google, có thể tìm thấy một số cách dịch khác như *Thuyết trí thông minh đa dạng*, *Thuyết trí thông minh đa chiều*. Những cách dịch trên đều có thể chấp nhận được và khá dễ hiểu cho người đọc Việt Nam nhưng lại không sát với ý nghĩa mà tác giả muốn nhắc đến.

Theo Gardner (2009), nghĩa của từ Intelligences trong học thuyết của ông là nói về những khả năng của trí óc trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Một trong những minh chứng hỗ trợ cho Thuyết này là kết quả nghiên cứu về não bộ. Những nghiên cứu này đã chỉ ra rằng khả năng đó tương ứng với mỗi phần khác nhau của bộ não. Bên cạnh đó, tác giả sử dụng từ Intellectual competence/ability (năng lực trí tuệ) (Gardner, 2009, tr.5) là từ thay thế khi đề cập đến các loại trí năng này. Chính vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi thống nhất sử dụng thuật ngữ Thuyết Đa trí năng khi bàn về Theory of Multiple

Intelligences.

Ra đời vào năm 1983, Thuyết Đa trí năng của Howard Gardner - giáo sư tâm lý học của trường Đại học Havard đã có những ảnh hưởng to lớn trong hệ thống giáo dục của Mĩ nói riêng và trên toàn thế giới nói chung. Với một quan niệm hoàn toàn mới về khả năng của con người, Thuyết Đa trí năng ở thời điểm khởi đầu đã chỉ ra rằng có các loại thông minh đang tồn tại trong mỗi con người với những cấp độ khác nhau. Đó là:

1/ *Trí năng về logic-toán học* (logico-mathematic intelligence): Khả năng tư duy một cách logic và thuần thực với các con số, thường được tìm thấy ở các nhà khoa học, kĩ sư, lập trình viên...

2/ *Trí năng không gian* (spatial intelligence): Khả năng nhận thức về không gian một cách chính xác và hình dung được những ý tưởng liên quan đến trực giác hoặc không gian. Khả năng này thường được tìm thấy ở các họa sĩ, kiến trúc sư, nhà du hành vũ trụ...

3/ *Trí năng hình thể* (bodily-kinesthetic intelligence): Khả năng sử dụng cơ thể để diễn tả cảm xúc và ý tưởng hiệu quả cũng như khả năng dùng tay để tạo ra đồ vật mà chúng ta có thể bắt gặp ở các nghệ nhân, thợ máy hay bác sĩ phẫu thuật.

4/ *Trí năng âm nhạc* (musical intelligence): Khả năng cảm nhận và thẩm âm tốt đối với các giai điệu, cảm xúc, tiết tấu, âm thanh... Ca sĩ, nhạc sĩ, các nhà soạn nhạc thường có trí năng này phát triển rất tốt.

5/ *Trí năng hướng nội* (intrapersonal intelligence): Khả năng đánh giá bản thân và hành vi của mình, từ đó tạo ra được một bức tranh về bản thân một cách chính xác.

6/ *Trí năng hướng ngoại* (interpersonal intelligence): Khả năng cảm nhận và đánh giá chính cảm xúc, ý định của người khác cũng như khả năng ảnh hưởng đến người khác.

7/ *Trí năng ngôn ngữ* (linguistic intelligence): Khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả cả trong văn nói lẫn văn viết. Trí năng này thường được tìm thấy ở các nhà báo, các chính trị gia, nhà văn...



8/ *Trí năng thiên nhiên* (naturalist intelligence) được bổ sung vào năm 1997, nhằm để nói về khả năng nhận biết và phân loại các loại động-thực vật trong thiên nhiên. Những người có trí năng này thường rất nhạy cảm với các hiện tượng thiên nhiên.

Ngoài ra, hai ứng cử viên mới được Gardner lưu ý đưa vào danh sách các loại trí năng là Trí năng hiện sinh và Trí năng sư phạm:

Trí năng hiện sinh (existentialist intelligence) được nhắc đến trong năm 1999, thể hiện khả năng tư duy về những vấn đề trừu tượng, khái quát của vũ trụ, nó còn được gọi là khả năng đặt ra những “câu hỏi lớn” về vạn vật trong vũ trụ;

Trí năng sư phạm (teaching intelligence): Đây là một trong những trí năng mới được Gardner lưu tâm và nhắc đến trên trang web chính thức của mình vào năm 2015. Gardner lập luận rằng giữa hai người có cùng kiến thức, cùng kĩ năng nhưng không phải ai cũng có thể truyền đạt những kiến thức, kĩ năng đó một cách hiệu quả. Người có Trí năng sư phạm phát triển là người có khả năng thích ứng, điều chỉnh các kĩ thuật giảng dạy một cách phù hợp hơn.

2.2. Những ngầm định của Thuyết Đa trí năng cho một nền giáo dục

Cha đẻ của Thuyết Đa trí năng không nghĩ rằng tác phẩm của mình lại được các nhà giáo dục quan tâm đến như vậy. Một số trường học ở Mỹ đã áp dụng vào việc thiết kế chương trình học theo các loại trí năng khác nhau. Thuyết Đa trí năng được áp dụng rộng rãi trong các mô hình trường học, từ trường mầm non đến những trường ở cấp bậc cao hơn, trường dạy nghề hay những ý tưởng đào tạo dành cho học viên lớn tuổi.

Lí thuyết này mang rất nhiều ngầm định quan trọng cho một nền giáo dục. Armstrong (1994) đã tổng kết được bốn ngầm định chính lõi cuốn sự quan tâm của các nhà giáo dục [1]:

- Trong mỗi con người đều tồn tại 8 loại trí năng: Ở mỗi người, các loại trí năng này vận hành theo mỗi cách riêng. Có người thì vận hành tốt tất cả hoặc hầu hết các loại trí năng, nhưng ở một số người khác lại thiếu một số khía cạnh cơ bản của một trí năng nào đó. Phần lớn thì người ta nằm giữa bậc phát triển đó.

- Trí năng có thể được phát triển. Trong quan niệm truyền thống, trí thông minh là một thuộc tính cố hữu, không thể thay đổi qua thời gian, qua đào tạo hay kinh nghiệm. Tuy nhiên, Thuyết Đa trí năng quan niệm rằng con người có khả năng phát triển các loại trí năng đến một cấp độ thích hợp nếu được khuyến khích, bồi dưỡng và chỉ dẫn một cách hợp lí.

- Các trí năng vận hành cùng nhau theo một cách phức tạp. Không có một trí năng nào thực sự tồn tại tự thân. Các trí năng luôn tác động lẫn nhau. Ví dụ, để học một ngoại ngữ qua các bài hát, chúng ta cần phải đọc bài hát đó (trí năng ngôn ngữ), có thể trao đổi với bạn cũng lớp về bài hát đó (trí năng giao tiếp) và nghe nhạc điệu của bài hát (trí năng âm nhạc).

- Có nhiều cách để trở nên thông minh. Một người có thể vụng về trong các điệu nhảy nhưng lại có thể là một thiên tài trong việc xây nhà. Cả hai hoạt động này đều liên quan đến trí năng hình thể.

Ngoài ra, Gardner (2009), sau hơn ba thập kỉ quan sát những áp dụng của Thuyết Đa trí năng trong giáo dục, đã rút ra kết luận mang tính then chốt như sau: 1/ Các nhà giáo dục khi áp dụng lí thuyết cần phải nghiêm túc quan tâm đến sự khác biệt giữa các cá thể và thiết kế phương cách giáo dục để có thể chạm tới khả năng tối ưu của người học; 2/ Bất cứ môn học, ý tưởng hay kĩ năng nào cũng nên được dạy theo nhiều cách khác nhau. Những cách này tác động đến các trí năng khác nhau ở người học. Cách tiếp cận đa chiều như thế có thể tạo ra lợi ích to lớn, đó là: 1/Tính đa dạng trong cách tiếp cận kiến thức đảm bảo cho người dạy hoặc chương trình dạy có thể tiếp cận được nhiều người học hơn; 2/ Tính đa dạng của cách tiếp cận kiến thức tạo cho người học một cách hiểu sâu sắc và trọn vẹn hơn một vấn đề. Theo Gardner, chỉ những con người có khả năng suy nghĩ về một vấn đề theo nhiều cách khác nhau mới có được một cái nhìn toàn diện về vấn đề đó.

3. Nét văn hóa trong Thuyết Đa trí năng

Armstrong (2009) đã ví Thuyết Đa trí năng như một mặt hàng văn hóa Mỹ xuất khẩu một cách thành công qua các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Trước khi nhắc đến tính đa văn hóa của Lí thuyết này, chúng ta cần nhận thấy rằng Thuyết Đa trí năng mang đậm nét văn hóa Mỹ cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI. Bên cạnh đó, Thuyết Đa trí năng còn phản ánh giá trị của chủ nghĩa thực dụng của Mỹ. Với khía cạnh này, Thuyết Đa trí năng không chỉ được phân xét bởi khả năng giải quyết những lí lẽ trong triết lí sống, mà hơn thế nữa. Đó là khả năng hành động để tạo ra những vấn đề, ý tưởng, diễn thuyết và những chiến lược trong tâm lí học và giáo dục. Hơn nữa, Thuyết này còn chứa đựng chủ nghĩa “can-do-ism” (niềm tin vào con người có thể đạt đến tiềm năng tuyệt đối của mình) cũng như giá trị của việc sử dụng tính sáng tạo để có những giải pháp mới cho những vấn đề nảy sinh. Và cuối cùng, Thuyết Đa trí năng mang trong mình giá trị của chủ nghĩa quân bình, nơi mà trí năng này có vị trí tương đương với những trí năng khác và những cá nhân xuất sắc ở các trí năng ngôn ngữ hay trí năng logic toán học không còn là những nhân vật bá chủ trong giáo dục.

Bên cạnh những nét riêng đó, Thuyết Đa trí năng chứa đựng sự đa dạng mà ta có thể bắt gặp ở rất nhiều nền văn hóa khác nhau. Trí năng được Gardner định nghĩa như là khả năng giải quyết vấn đề và tạo ra sản phẩm có giá trị trong nền văn hóa đó. Gardner trong quá trình thiết lập các tiêu chí của một trí năng, luôn ý thức được rằng giá trị của sản phẩm thay đổi theo từng nền văn hóa khác nhau, và các tiêu chí ông xác lập ra nhằm đảm bảo rằng trí năng của con người phải thật sự có ích và quan trọng, ít nhất là trong một nền tảng văn hóa mà nó tồn tại. Armstrong (2009) đã so sánh Thuyết Đa trí năng như một con tắc kè hoa có thể thay đổi được sắc

màu của nó để phù hợp với môi trường mà nó tiếp xúc.

4. Thuyết Đa trí năng và các hệ thống giáo dục thế giới

Thuyết Đa trí năng được chào đón ở hầu hết các nơi nó thâm nhập cũng bởi vì các loại trí năng được tìm thấy ở phần lớn tất cả các nền văn hóa, chỉ khác là ở mỗi nền văn hóa giá trị hóa trí năng không đồng đều nhau mà thôi. Tất cả các nền văn hóa đều có hệ thống âm nhạc, văn học, toán học, thiên nhiên, giao tiếp xã hội... Thực chất, văn hóa có thể tự thể hiện qua các hoạt động khác nhau của các trí năng này. Trong cuốn "Thuyết Đa trí năng vòng quanh thế giới" của Gardner và các tác giả, những thành tựu cũng như những áp dụng của lý thuyết đã được đề cập rất cụ thể. Thuyết Đa trí năng khởi sắc đầu tiên trên nước Mỹ, nơi mà nó được sinh ra. Mặc dù không được chào đón nồng nhiệt khi mới ra đời, Thuyết Đa trí năng vẫn được người Mỹ coi trọng và dần dần khẳng định được vị trí quan trọng của mình trong nền giáo dục Mỹ vì nó phù hợp với cách nhìn của người Mỹ hiện tại. Những yếu tố dẫn đến sự chào đón thuyết này được các nhà giáo dục Mỹ nêu ra, đó là: 1/ Lý thuyết này giúp phần nâng cao nhận thức và niềm tin của các nhà giáo dục về trí tuệ con người; 2/ Những ngẫm định của nó có thực tập nghề nghiệp; 3/ Tác động của chương trình đa chiều đến sự thành công của người học.

Mia Keinanen đã viết rằng, nền văn hóa quân bình và tổ chức dân chủ ở Na Uy là miếng đất màu mỡ cho Thuyết Đa trí năng tồn tại và phát triển. Vào những năm 90, Bộ Giáo dục và Đào tạo Na Uy đã thiết lập một chương trình rất gắn gũi với nền tảng Đa trí năng. Một chương trình với 7 diện mạo cần được thúc đẩy, bao gồm: con người của tinh thần, con người của sáng tạo, con người của công việc, con người được giáo dục một cách tự do, con người của xã hội và con người quan tâm đến môi trường. Diện mạo thứ 7 là sự xen kẽ của 6 diện mạo trước: con người tích hợp. Thuyết Đa trí năng đã trở thành một hướng đi rõ ràng để đáp ứng yêu cầu giáo dục của Na Uy từ năm 90 đến nay. Ở Argentina, việc nhận ra tiềm năng của Lý thuyết này xuất phát từ một nhóm giáo viên ở các trường tư, sau đó các trường công và cuối cùng đến Bộ Giáo dục. Thuyết Đa trí năng có thể giúp chuyển đổi hệ thống giáo dục, làm cho nó trở nên dân chủ và toàn diện như yêu cầu của Luật Giáo dục để ra vào năm 1993.

Lý thuyết này cũng được áp dụng rất phổ biến ở Trung Quốc cho dù họ không áp dụng nó một cách chính thống trong nền giáo dục của mình. Jie-Qi Chen (2009) đã viết rằng "sự thâm nhập thành công của Thuyết đa trí năng vào các trường học ở Trung Quốc được nhìn thấy trong tất cả các cấp bậc và ở tất cả các vùng miền". Tuy nhiên, việc áp dụng Thuyết Đa trí năng vào nền giáo dục Trung Quốc không phải là một sự chuyển đổi trực tiếp. Đó là kết quả của một quá trình trao đổi và thẩm thấu văn hóa. Đã hơn 20 năm, Thuyết Đa trí năng tác động đến sự cải tổ nền giáo dục Trung Quốc. Sự thành công của việc áp dụng lý thuyết không phải nhờ sự việc sao

chép lại nguyên bản sự thành công ở Mỹ. Cũng theo Quen Ji chen, người Trung Quốc đã đồng hóa các ý tưởng của thuyết này vào các truyền thống văn hóa của họ mà vẫn giữ những giá trị cốt lõi của lý thuyết đó.

5. Thuyết Đa trí năng và mục tiêu đào tạo con người của giáo dục Việt Nam

Nền giáo dục Việt Nam có truyền thống phát triển lâu đời, tuy nhiên vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Do vậy, nhu cầu đổi mới giáo dục trở nên cấp bách. Nhiều người sẽ đặt câu hỏi về tính khả thi của một lý thuyết sinh ra ở Mỹ áp dụng vào giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy rằng, cũng giống như nền giáo dục Trung Quốc, Việt Nam hội tụ các yếu tố cần và đủ để Thuyết Đa trí năng được áp dụng và mang lại sự thành công cho công cuộc đổi mới giáo dục. Những yếu tố đó là:

1/ *Chính sách mở cửa*: Với việc gia nhập WTO và Cộng đồng kinh tế ASEAN cuối năm 2015 đã kéo theo nhiều sự thay đổi về chính sách cũng như theo những thay đổi trong các khía cạnh khác của xã hội, trong đó có giáo dục. Người Việt Nam đã được chuẩn bị tâm thế để sẵn sàng đón nhận những tư tưởng hội nhập mới đến từ các nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

2/ *Nhu cầu xã hội về thay đổi mục tiêu giáo dục*: Để đáp ứng nhu cầu xã hội, việc đổi mới căn bản toàn diện, giáo dục, đặc biệt là đổi mới phương pháp dạy học luôn được đề cập đến trong các kì Đại hội Đảng. Mặc dù các đề cập sửa đổi này không nêu rõ một đường hướng nào làm nền tảng, nhưng Thuyết Đa trí năng nổi lên như nền tảng quan trọng có thể đáp ứng cho việc chuyển đổi chương trình theo những mục tiêu đó. Trước đây, các nghiên cứu về trường học hiệu quả luôn nhấn mạnh đến sự cần thiết phải giữ được kì vọng cao ở tất cả người học. Thuyết Đa trí năng đã cụ thể hóa từng loại kì vọng cần đạt được đó. Với niềm tin lạc quan mà Thuyết Đa trí năng mang lại cho giáo viên, việc dạy học thay đổi và kéo theo sự thành công của người học cũng thay đổi.

3/ *Tính phù hợp với tư duy truyền thống của người Việt*: Có nhiều nét tương đồng với xã hội Trung Quốc, Việt Nam là nước có nhiều trường phái triết lí. Năm 1945, trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam", chính là đào tạo con người xã hội, và "một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em", chính là đào tạo con người cá nhân.

4/ *Sự tập trung của hệ thống giáo dục Việt Nam*: Bộ Giáo dục và Đào tạo đóng vai trò then chốt trong việc đưa ra các quyết định về chính sách cũng như định hướng thực thi các chính sách đó. Các văn bản chính sách có tác động rất lớn đến chương trình và thực hành sư phạm. Bên cạnh đó, việc tham gia của các lãnh đạo ngành uy tín và các trường đại học hàng đầu sẽ thu hút sự tham gia của rất nhiều nhà giáo dục khác. Nếu Thuyết Đa trí năng được Bộ Giáo dục và Đào tạo nhắc đến một cách chính thống như là nền tảng cho mọi thay đổi thì



việc thực thi các chính sách đó sẽ được đồng nhất hơn.

5/ *Môi trường đáng tin cậy*: Nguồn gốc của Thuyết Đa trí năng đóng góp một phần không nhỏ vào sự thành công tiềm năng của nó ở Việt Nam. Lí thuyết này được sinh ra ở nước Mỹ, một nước có nền giáo dục tiên tiến bậc nhất trên thế giới, và Trường Đại học Havard, nơi Howard Gardner làm việc là đỉnh cao của sự tối ưu đó. Những ý tưởng và con người có mối liên hệ với Havard được ngưỡng mộ và có vị thế cạnh tranh ở Việt Nam. Vấn đề là chúng ta cần những cuộc hội thảo chính thức với các chuyên gia thật sự am hiểu về Thuyết này để triển khai đúng hướng. Với tất cả những yếu tố kể trên cho thấy Thuyết Đa trí năng sẽ tạo ra được một sự thay đổi tích cực cho nền giáo dục Việt Nam, từ tầm vĩ mô trong chương trình giáo dục quốc dân cho đến tầm vi mô trong việc đổi mới cách tiếp cận người học.

6. Kết luận

Để đào tạo ra những thế hệ người Việt Nam năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước cần phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục mà trước tiên là đổi mới phương pháp dạy học. Thuyết Đa trí năng có nhiều ưu thế trong việc phát huy tính tích cực độc lập nhận thức của người học. Vì thế, nghiên cứu, áp dụng Thuyết Đa trí năng vào các trường học ở Việt Nam là một vấn đề có ý nghĩa cấp thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Armstrong, T., (1994), *Multiple Intelligences in the classroom*, Alexandra.
- [2]. Báo Nhân dân, (2013), <http://www.nhandan.com.vn/giaoduc/tin-tuc/item/21684402-bao-dam-muc-tieu-giao-duc-con-nguoi-viet-nam-phat-trien-toan-dien.html>
- [3]. Campell, L & B., (1999), *Multiple Intelligences and Student achievement*, Virginia, USA.
- [4]. Chen, J.Q, (2009), China's assimilation of MI theory in Education, *Multiple Intelligences around the world*, Josseys-Bass. San Francisco.
- [5]. Gardner, H., (1983), *Frames of mind: The theory of multiple intelligences*, New York: Basic.
- [6]. Gardner, H., (2009), *Multiple Intelligences around the world*, Josseys-Bass. San Francisco.
- [7]. Lê Quang Long, (2011), *Thuyết Đa trí tuệ trong lớp học*, (Bản dịch) NXB Nhân trí.
- [8]. Lê Phạm Hoài Hương & Lê Thị Tuyết Hạnh, (2014), *Thông minh ngôn ngữ với việc dạy-học từ vựng tiếng Anh*, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, Số 6 (224).
- [9]. Võ Thanh Hà, (2013), *Nghiên cứu Thuyết Đa thông minh và khả năng ứng dụng vào giáo dục tiểu học*. Viện Ngôn ngữ học.

THEORY OF MULTIPLE INTELLIGENCES AND IMPLICIT EDUCATION

Le Thi Tuyet Hanh
Vinh University

Email: hanhdhv81@gmail.com

Abstract: *Theory of multiple intelligences of Howard Gardner gained interest of international education, was one of appropriate solutions to meet the requirement of the fundamental and comprehensive educational renewal. Basing on theoretical analysis of theory of multiple intelligences and its international successful application, this article will analyze potential factors that Vietnamese education can successfully apply this theory.*

Keywords: *Theory of multiple intelligences; implicit education; education.*